

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG ĐIỀN  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2024/DS-ST  
Ngày 06-9-2024  
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản”

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN  
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Lộc

Bà Trần Thị Mộng Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Điền tham gia phiên  
tòa:** Ông Trần Minh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 61/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lưu Đoàn Thanh V, sinh năm: 1992 và bà Trịnh Thị Mỹ L, sinh năm 1995. Cùng địa chỉ: Số F V, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Ông V, bà L có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Lan A, sinh năm: 2000. Địa chỉ: Tổ A, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2024, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn ông Lưu Đoàn Thanh V trình bày:

Bà Nguyễn Thị Lan A là người quen của vợ chồng ông V, bà L. Do bà Lan A có nhu cầu vay tiền để tiêu dùng cho gia đình nên bà A có liên hệ với vợ chồng ông V bà L để vay tiền nhiều lần, tổng cộng số tiền vay là 1.310.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm mười triệu đồng) trong khoảng thời gian từ ngày 30-8-2023 đến ngày 14-01-2024, khi vay không thỏa thuận lãi.

Do bà Lan A mới từ N về nên chưa kịp làm căn cước công dân và số tài khoản nên bà Lan A có nhờ một số thẻ ngân hàng của người thân, bạn bè, cụ thể số lần chuyển và tên người nhận như sau:

- Ngày 30-8-2023 ông V chuyển tiền đến tài khoản tên Lê Ngọc T số tiền 5.000.000đồng (năm triệu đồng).

- Ngày 16-10-2023 ông V chuyển tiền đến tài khoản Nguyễn Văn T1 (anh trai của bà Lan A) 02 lần: lần thứ nhất 15.000.000đồng (mười lăm triệu đồng); lần thứ hai 5.000.000đồng (năm triệu đồng).

- Ngày 04-11-2023 ông V chuyển tiền đến tài khoản tên Lê Ngọc T số tiền 3.000.000đồng.

- Ngày 05-11-2023 ông V chuyển tiền đến tài khoản Lê Ngọc T số tiền 700.000đồng (bảy trăm nghìn đồng).

- Ngày 19-11-2023 ông V chuyển tiền đến tài khoản Lê Ngọc T số tiền 4.000.000đồng (bốn triệu đồng).

- Ngày 20-11-2023 bà L chuyển đến tài khoản Lê Ngọc T số tiền 2.500.000đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Ngày 22-11-2023 ông Vũ c đến tài khoản Lê Ngọc T số tiền 3.500.000đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

- Ngày 24-11-2023, ông Vũ c đến tài khoản Lê Ngọc T số tiền 20.000.000đồng.

Ngày 24-11-2023, vợ chồng ông V bà L ký hợp đồng vay tài sản với bà Nguyễn Thị Lan A theo số công chứng 7196, quyền số 1/2023/TP-CC-SCC/HĐGD với nội dung cho bà Lan A vay 1.200.000.000đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng) không tính lãi trong thời hạn 02 ngày, đến ngày 26-11-2023 phải trả.

- Ngày 29-11-2023 bà L chuyển khoản đến tài khoản Lê Ngọc T số tiền 5.000.000đồng (năm triệu đồng).

- Ngày 30-11-2023 bà L chuyển khoản đến tài khoản Lê Ngọc T số tiền 1.000.000đồng (một triệu đồng).

- Ngày 02-12-2023 ông V chuyển khoản đến tài khoản Lê Ngọc T 02 lần, lần thứ nhất chuyển 12.000.000đồng (mười hai triệu đồng), lần thứ hai chuyển 3.000.000đồng (ba triệu đồng).

- Ngày 07-12-2023 ông V chuyển khoản đến tài khoản Lê Ngọc T 02 lần, lần thứ nhất chuyển số tiền 1.750.000đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), lần thứ hai chuyển 1.000.000đồng (một triệu đồng).

- Ngày 15-12-2023 ông V chuyển khoản đến tài khoản của bà Nguyễn Thị Lan A số tiền 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng) và đưa thêm tiền mặt 10.000.000đồng.

- Ngày 13-01-2024 ông V chuyển khoản đến tài khoản của bà Nguyễn Thị Lan A 1.200.000đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng).

- Ngày 14-01-2024 ông V chuyển khoản đến tài khoản của bà Nguyễn Thị Lan A số tiền 445.000đồng (bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Tổng số tiền là 1.210.000.000đồng (một tỷ hai trăm mười triệu đồng).

Khi vay tiền bà Lan A có hứa hẹn sẽ trả đúng thời hạn nhưng đến nay bà Lan A chưa trả bất cứ khoản tiền nào cho vợ chồng ông V. Vợ chồng ông V có gọi điện nhắn tin tìm gặp bà Lan A để yêu cầu trả nợ nhưng bà A cố tình trốn tránh, gọi điện không bắt máy, nhắn tin thì bà A khất nợ và hiện nay không còn liên hệ được với bà A.

Đối với số tiền còn lại là 110.000.000đồng (một trăm mười triệu đồng), vay qua các lần chuyển khoản, vợ chồng ông V bà L sẽ thỏa thuận lại với bà Lan A và ông bà rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền này.

Đối với số tiền theo hợp đồng vay số công chứng 7196, quyền số 1/2023/TP-CC-SCC/HĐGD số tiền 1.200.000.000đồng (một tỷ hai trăm nghìn đồng). Yêu cầu trả tiền gốc và tiền lãi 2%/tháng từ ngày 26-11-2023 đến khi vụ án được xét xử sơ thẩm là 09 tháng 11 ngày. Tổng cộng là: 1.200.000.000đồng x 2%/tháng x 09 tháng 13 ngày = 226.400.000đ.

\* Bà Trịnh Thị Mỹ L: thống nhất với ý kiến và yêu cầu khởi kiện, yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Đoàn Thanh V và không trình bày thêm.

\* *Quá trình giải quyết vụ án của bà Nguyễn Thị Lan A*: Vắng mặt toàn bộ trong quá trình giải quyết, không gửi văn bản ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông V và bà L.

\* *Tại phiên tòa*: Nguyên đơn rút và thay đổi yêu cầu khởi kiện và xác định những nội dung khởi kiện bao gồm:

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu Tòa giải quyết, buộc bà Nguyễn Thị Lan A phải trả số tiền vay theo hợp đồng vay số công chứng 7196, quyền số 1/2023/TP-CC-SCC/HĐGD số tiền 1.200.000.000đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng) và thay đổi mức lãi xuất xuống còn 0,83%/tháng tính từ ngày 26/11/2023 đến 26/8/2024 là 09 tháng.

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng).

\* *Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa*:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và các quy định theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Lan A mặc dù được triệu tập hợp lệ trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản ý kiến cho Tòa là vi phạm các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Buộc bà Nguyễn Thị Lan A phải trả số tiền vay theo hợp đồng vay số công chứng 7196, quyền số 1/2023/TP-CC-SCC/HĐGD số tiền 1.200.000.000đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng) và tiền lãi với mức lãi xuất 0,83%/tháng tính từ ngày 26/11/2023 đến 26/8/2024.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý:* Ông Lưu Đoàn Thanh V và bà Trịnh Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Lan A trả lại số tiền đã vay; bị đơn có nơi cư trú tại huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự có mặt của đương sự:* Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Lan A mặc dù được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sau khi hội ý đã thống nhất tiếp tục xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[1.3] *Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện:* Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu đối với số tiền 110.000.000 đồng và thay đổi yêu cầu tính lãi từ 2%/tháng xuống còn 0,83%/tháng tính từ ngày 26/11/2023 đến 26/8/2024 trên số tiền 1.200.000.000đ. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **[2] Về nội dung:**

Vợ chồng ông Lưu Đoàn Thanh V và Trịnh Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Lan A phải trả số tiền vay theo hợp đồng vay số công chứng 7196, quyển số 1/2023/TP-CC-SCC/HĐGD số tiền 1.200.000.000đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng) và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 26/11/2023 đến 26/8/2024, cụ thể:  $1.200.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 09 \text{ tháng} = 89.640.000đ$  (tám mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng).

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng tại hợp đồng vay số công chứng 7196, quyển số 1/2023/TP-CC-SCC/HĐGD Hai bên hoàn toàn tự nguyện giao kết hợp đồng, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật, từ đó phát sinh quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong vụ án. Theo nội dung hợp đồng thì nguyên đơn đồng ý cho bị đơn vay số tiền 1.200.000.000đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng), thời hạn vay là 02 ngày tính từ ngày 24-11-2023 đến ngày 26-11-2023, không thỏa thuận về lãi suất. Như vậy căn cứ Điều 470 Bộ luật tố tụng dân sự xác định hợp đồng vay tài sản giữa vợ chồng ông V bà L và bà Nguyễn Thị Lan A là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi suất.

Về thời gian yêu cầu tính lãi: Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn được ký kết vào ngày 24-11-2023 thời hạn vay là 02 ngày nhưng không thỏa

thuận về lãi, vì vậy có căn cứ để yêu cầu bị đơn bà Lan A phải trả lãi tính từ ngày 26/11/2023 cho đến khi 26/8/2024 là 09 tháng.

Về áp dụng lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả lãi trên số nợ gốc, tương ứng với thời gian chậm trả cho nguyên đơn với mức lãi suất là 0,83/tháng, mức lãi xuất này phù hợp với mức lãi suất theo quy định tại khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể:  $1.200.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 09 \text{ tháng} = 89.640.000đ$  (tám mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng).

Từ những nhận định trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông V bà L, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Lan A phải có nghĩa vụ trả cho ông V bà L số tiền 1.200.000.000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng) tiền vay và 89.640.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 1.289.640.000đồng (một tỷ hai trăm tám mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng).

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện được chấp nhận của nguyên đơn là 50.670.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về xử lý biện pháp khẩn cấp tạm thời: Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2024/QĐ-BPKCTT ngày 19/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền về áp dụng biện pháp cấm xuất cảnh đối với bà Nguyễn Thị Lan A.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 244; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 110.000.000đồng (một trăm mười triệu đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Đoàn Thanh V và bà Trịnh Thị Mỹ L. Buộc bà Nguyễn Thị Lan A phải trả cho ông V bà L số tiền đã vay là 1.200.000.000đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 26/11/2023 đến ngày 26/8/2024) là 89.640.000đồng tiền lãi. Tổng cộng là 1.289.640.000đồng (một tỷ hai trăm tám mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thực hiện xong nghĩa vụ hoàn trả khoản tiền trên, thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về xử lý biện pháp khẩn cấp tạm thời: Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2024/QĐ-BPKCTT ngày 19/4/2024 của Tòa án nhân dân

huyện Long Điền về áp dụng biện pháp cấm xuất cảnh đối với bà Nguyễn Thị Lan A.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Lan A phải chịu 50.670.000 đồng (năm mươi triệu sáu trăm bảy mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lưu Đoàn Thanh V và bà Trịnh Thị Mỹ L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông V, bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 27.195.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004442 ngày 04 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Long Điền;
- TAND huyện Long Điền;
- THADS huyện Long Điền;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Nguyễn Trường Mạnh**